BÀI GIẢNG: TÁC GIA NGUYỄN DU
CHUYÊN ĐỀ: NGUYỄN DU – NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐỚN LÒNG
MÔN: NGỮ VĂN 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY

MỤC TIÊU

- ✓ *Nắm được sự giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại.*
- ✓ *Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của truyện thơ Nôm.*

TIỂU SỬ

1 Cuộc đời Nguyễn Du.

- Năm 1765: Sinh ra trong gia đình đại quý tộc – có truyền thống khoa cử và văn chương.
- Năm 1775 – 1778: Gia đình gặp biến cố. Năm 10 tuổi, ông mồ côi cha. Năm 13 tuổi, ông mất mẹ → Nương nhờ Nguyễn Khản.
- Năm 1788: Li tán. Triều Lê – Trịnh sụp đổ → Gia đình li tán, Nguyễn Du tha hương.
- Năm 1802: Làm quan dưới triều nhà Nguyễn. Khi Nguyễn Ánh lập ra triều đại mới, Nguyễn Du ra làm quan cho nhà Nguyễn.
- Năm 1820: Minh Mạng lại cử Nguyễn Du làm Chánh sứ nhưng chưa kịp khởi hành thì ông qua đời.

SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC

1 Sáng tác chữ Hán.

a. Thanh Hiên thi tập.

- Hoàn cảnh sáng tác: Gia đình li tán, anh em chia lìa, cuộc sống cùng quẫn, bế tắc.
- Giá trị hiện thực: Phản ánh nỗi đau chung của một thời đổ vỡ, tan hoang.
- Giá trị nhân đạo: Thấu hiểu, đồng cảm với những đau thương, bất hạnh của con người và quê hương, xứ sở.

b. Nam trung tạp ngâm:

- Hoàn cảnh sáng tác: Thời kì Nguyễn Du làm quan dưới triều Nguyễn → Chán nản, thất vọng trước chốn quan trường.
- Giá trị hiện thực: Khắc họa bản chất của một xã hội phong kiến đang đi xuống.
- Giá trị nhân đạo: Đau xót cho thân phận con người trong cảnh loạn li.

c. Bắc hành tạp lục:

- Hoàn cảnh sáng tác: Tập thơ được sáng tác trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.
- Giá trị hiện thực: Phản ánh cảnh sống khốn cùng của những con người nhỏ bé dưới đáy cùng xã hội, của những "đấng người" tài hoa bạc mệnh…

- Giá trị nhân đạoNiềm cảm thương, trăn trở trước số phận con người, đặc biệt là thân phận của những kiếp tài hoa.

d. Giá trị:

- Khái quát hiện thực – Thể hiện tinh thần nhân văn sâu sắc.
- Bức chân dung tâm hồn Nguyễn Du: ý thức cá nhân sâu sắc, nội tâm bế tắc, khổ đau, trái tim tràn đầy yêu thương…
- Sự vận động trong tư tưởng của nhà thơ: Hiểu mình, thương mình → Hiểu người, thương đời.

2 Sáng tác chữ Nôm.

- Thể văn tế: Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu.
- Thể thơ song thất lục bát: Văn tế thập loại chúng sinh.
- Thể lục bát: Thác lời trai phường nón.
- Truyện thơ Nôm – thể lục bát: Truyện Kiều.

=> Phản ánh thực trạng xã hội đương thời.

=> Tiếng khóc, tiếng than cho những kiếp người bất hạnh.

3 Truyện Kiều.

a. Nguồn gốc, đề tài, cốt truyện:

Truyện Kiều	Kim Vân Kiều truyện
- Truyện thơ Nôm – kiệt tác của văn học Việt Nam: mang "chất Việt Nam thuần túy và nồng hậu". - Tác phẩm phản ánh bức chân dung thời đại và ẩn chứa tinh thần nhân văn sâu sắc của người nghệ sĩ "có con mắt trông thấu cả sáu cõi, có tấm lòng nghĩ suốt cả ngàn đời".	- Tiểu thuyết chương hồi – không có vị trí cao trong nền văn học Trung Hoa. - Tiểu thuyết tài tử giai nhân.

b. Vị trí của Truyện Kiều.

- Trong đời sống văn hóa:

+ Vịnh Kiều, lẩy Kiều, đố Kiều, bói Kiều…

+ Nguồn cảm hứng cho nhiều loại hình nghệ thuật.

- Trong đời sống văn học: Đối tượng khám phá của nhiều nhà nghiên cứu.

c. Giá trị tư tưởng của Truyện Kiều.

* Giá trị hiện thực:

- Phản ánh xã hội bị chi phối bởi những "khuôn phép bất nhân", cổ hủ, lạc hậu.
- Phản ánh xã hội bị chi phối bởi thế lực của đồng tiền → Bất công.

* Giá trị nhân đạo:

- Tôn vinh vẻ đẹp con người: toàn diện cả thể xác và tâm hồn.
- Lên tiếng đòi quyền sống, cho con người.
- Đồng tình với khát vọng chính đáng của con người.

d. Giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều.

- Xây dựng cốt truyện:

+ Mô hình của truyện thơ Nôm: Gặp gỡ - Chia li – Đoàn tụ.

+ Sáng tạo: Kết thúc không trọn vẹn.

- Khắc họa nhân vật: Quan tâm đến việc khắc họa thế giới nội tâm nhân vật.

- Sử dụng ngôn ngữ:

+ Phát huy vẻ đẹp phong phú, kì diệu của tiếng Việt.

+ Sáng tạo: Kết hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ vay mượn; ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ bác học.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Hãy xây dựng kịch bản cho một bài phóng sự giới thiệu với bạn bè quốc tế về một phương diện đặc sắc nhất trong sự nghiệp sáng tác văn chương của Nguyễn Du.